

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ LỄ PHÁT BẰNG THẠC SĨ NĂM 2025 ĐỢT 2*(Sắp xếp theo số thứ tự lên lễ đài nhận bằng và vị trí ngồi)*

TT	Số hiệu VB	Số ghế ngồi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
1		E-44	M0623013	Tạ Vũ Quang Khải		24/04/2000	Nuôi trồng thủy sản	2023	Trường Thủy sản
2		E-42	M0623014	Trần Nguyễn Yến Ly	X	22/02/1997	Nuôi trồng thủy sản	2023	Trường Thủy sản
3		E-40	M0623015	Hồ Diễm My	X	27/09/1999	Nuôi trồng thủy sản	2023	Trường Thủy sản
4	x	E-38	M5222003	Lê Hoàng Kiệt		20/09/1999	Chính sách công	2022	Viện Mekong
5	8909	E-36	M5222001	Huỳnh Thị Thu	X	09/08/1990	Chính sách công	2022	Viện Mekong
6		E-34	M5223001	Hồ Thị Quý An	X	20/11/1987	Chính sách công	2023	Viện Mekong
7	8981	E-32	M5223002	Lê Kim Hồng	X	29/09/1976	Chính sách công	2023	Viện Mekong
8	8982	E-30	M5223004	Nguyễn Hải Minh	X	13/01/1995	Chính sách công	2023	Viện Mekong
9		E-28	M5223007	Trần Thị Ngọc Huỳnh	X	03/05/1989	Chính sách công	2023	Viện Mekong
10	9079	E-26	M2322005	Thạch Thị Diễm Phúc	X	30/09/1989	Văn học Việt Nam	2022	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
11	9080	E-24	M2322009	Trần Hoàng Tính		24/02/1999	Văn học Việt Nam	2022	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
12		E-22	M2323002	Trần Minh Thư	X	05/10/2001	Văn học Việt Nam	2023	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
13	9081	E-20	M2323003	Cao Kiều Ngọc Trâm	X	14/05/1989	Văn học Việt Nam	2023	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
14		E-18	M2323005	Lê Đình Phương Uyên	X	13/11/1999	Văn học Việt Nam	2023	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
15		E-16	M2323009	Hồ Trọng Huy		07/10/1996	Văn học Việt Nam	2023	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
16		E-14	M2323012	Nguyễn Thị Huỳnh Nha	X	26/05/2001	Văn học Việt Nam	2023	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
17		E-12	M2323013	Trần Phước Sang		07/04/1985	Văn học Việt Nam	2023	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
18		E-10	M2323014	Phan Nguyễn Thanh Tân		02/08/2001	Văn học Việt Nam	2023	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
19		E-8	M2323015	Trần Kim Thoại	X	15/08/2001	Văn học Việt Nam	2023	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
20		E-6	M4923001	Trần Thiên Nhã Ái	X	21/04/2000	Vì sinh vật học	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
21		E-4	M4923004	Phan Vương Ái Vy	X	14/10/2001	Vì sinh vật học	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
22		E-2	M2221010	Trần Thanh Thủy	X	21/01/1982	Công nghệ thực phẩm	2021	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
23		F-42	M2222006	Trần Hiếu Nhân		15/11/1989	Công nghệ thực phẩm	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
24	8988	F-40	M2222014	Diệp Đăng Hưng		21/11/2000	Công nghệ thực phẩm	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
25	8911	F-38	M2222018	Quách Thị Huỳnh Như	X	15/06/2000	Công nghệ thực phẩm	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
26		F-36	M2223003	Nguyễn Lam Khoa		09/01/1998	Công nghệ thực phẩm	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
27		F-34	M2223005	Võ Trung Nguyên		28/08/2001	Công nghệ thực phẩm	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
28		F-32	M2223007	Võ Trung Tính		19/08/2000	Công nghệ thực phẩm	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
29		F-30	M2223011	Phạm Kim Ngân	X	01/10/2001	Công nghệ thực phẩm	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
30		F-28	M2223012	Ngô Duy Quang		18/03/1988	Công nghệ thực phẩm	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
31		F-26	M2223014	Phạm Văn Thêm		01/01/1993	Công nghệ thực phẩm	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
32	8983	F-24	M0522028	Trần Thúy Quỳnh	X	04/08/1999	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
33	8984	F-22	M0522034	Trần Nguyễn Bảo Anh	X	01/01/1999	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
34		F-20	M0522038	Đỗ Tấn Thành		05/01/2000	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
35		F-18	M0523005	Lý Tiến		10/02/1988	Công nghệ sinh học	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
36		F-16	M0523008	Nguyễn Trần Mỹ Hân	X	15/09/2001	Công nghệ sinh học	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
37		F-14	M0523009	Thạch Thị Si Huyền	X	17/01/1990	Công nghệ sinh học	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
38		F-12	M0523010	Lê Thị Như Huỳnh	X	05/02/2000	Công nghệ sinh học	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
39		F-10	M0523011	Phạm Như Huỳnh	X	15/03/2001	Công nghệ sinh học	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
40	8985	F-8	M0523012	Trần Ngọc Quế Linh	X	05/04/2001	Công nghệ sinh học	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
41		F-6	M0523013	Hoàng Bảo Ngân	X	17/02/2001	Công nghệ sinh học	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
42	8986	F-4	M0523016	Hà Ngọc Thu	X	12/09/2001	Công nghệ sinh học	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm

TT	Số hiệu VB	Số ghế ngồi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
43	9031	F-2	M3421021	Nguyễn Hồng Ngọc	X	20/02/1995	Luật kinh tế	2021	Khoa Luật
44	9032	G-44	M3421031	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	X	06/10/1994	Luật kinh tế	2021	Khoa Luật
45	9033	G-42	M3421034	Lê Thị Bé Thu	X	01/01/1985	Luật kinh tế	2021	Khoa Luật
46	8921	G-40	M3422004	Trần Nhật Anh	X	21/08/1997	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
47	8922	G-38	M3422011	Nguyễn Trung Dũng		11/12/1997	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
48		G-36	M3422016	Nguyễn Thị Hạnh	X	15/03/1990	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
49		G-34	M3422023	Lê Trọng Khang		30/04/1999	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
50	8923	G-32	M3422025	Trần Thị Thiên Kim	X	05/10/1997	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
51	8924	G-30	M3422030	Mai Mi Mi	X	20/04/1998	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
52		G-28	M3422038	Trương Thị Tuyết Như	X	14/02/1987	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
53		G-26	M3422043	Phan Hoàng Phúc		29/12/1989	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
54	9034	G-24	M3422055	Tê Hoàng Tiến		25/10/1996	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
55	8925	G-22	M3422059	Đoàn Thị Diễm Trinh	X	29/02/1996	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
56	8966	G-20	M3422061	Trần Hoàng Tú		10/11/1987	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
57		G-18	M3422065	Danh Thị Diệu Xuân	X	03/12/1984	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
58	8926	G-16	M3422075	Nguyễn Thị Ngọc Phận	X	19/05/1992	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
59		G-14	M3423036	Trương Hồng Hoa	X	29/04/1983	Luật kinh tế	2023	Khoa Luật
60		G-12	M3423044	Phan Ngọc Trường Nhân		31/08/1976	Luật kinh tế	2023	Khoa Luật
61		G-10	M3423051	Nguyễn Hồ Y Phụng	X	15/07/1993	Luật kinh tế	2023	Khoa Luật
62		G-8	M3423056	Ngô Minh Quyền		15/05/1991	Luật kinh tế	2023	Khoa Luật
63		G-6	M3423057	Hồ Minh Sơn		20/02/1985	Luật kinh tế	2023	Khoa Luật
64		G-4	M3423060	Nguyễn Hữu Tiến		28/11/1981	Luật kinh tế	2023	Khoa Luật
65		G-2	M3423068	Nguyễn Thị Kiều Lam	X	03/04/1985	Luật kinh tế	2023	Khoa Luật
66		H-42	M3423069	Bùi Xuân Mai	X	15/01/1995	Luật kinh tế	2023	Khoa Luật
67		H-40	M3423074	Đỗ Thu Uyên	X	24/04/2000	Luật kinh tế	2023	Khoa Luật
68		H-38	M3423077	Nguyễn Thị Nghi Xuân	X	25/04/1984	Luật kinh tế	2023	Khoa Luật
69		H-36	M4722001	Hoàng Thái Dương		06/03/1997	Kỹ thuật môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
70	9029	H-34	M4722003	Phan Xuân Lợi		21/02/2000	Kỹ thuật môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
71	8919	H-32	M4722004	Trần Thảo Nguyên	X	05/06/1999	Kỹ thuật môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
72	8920	H-30	M4722006	Trần Minh Viên		13/08/2000	Kỹ thuật môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
73	8916	H-28	M1122001	Nguyễn Quốc Anh		20/10/2000	Khoa học môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
74	8917	H-26	M1122011	Trần Thị Thanh Trúc	X	10/12/2000	Khoa học môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
75	9014	H-24	M1122012	Đoàn Phi Yến	X	06/03/2000	Khoa học môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
76		H-22	M1123001	Nguyễn Thị Huyền	X	05/10/1985	Khoa học môi trường	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
77		H-20	M1123002	Quách Thị Mỹ Huỳnh	X	26/12/1988	Khoa học môi trường	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
78		H-18	M1123006	Đào Thị Kim Liên	X	08/06/1989	Khoa học môi trường	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
79		H-16	M1123007	Nguyễn Trần Trung Thành		13/04/2001	Khoa học môi trường	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
80	9066	H-14	M2922003	Ngô Thúy Duy	X	21/07/2000	Quản lý tài nguyên và môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
81	8946	H-12	M2922012	Trương Hoàng Việt		13/01/2000	Quản lý tài nguyên và môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
82		H-10	M2923001	Trương Thị Ngọc Châu	X	26/11/1987	Quản lý tài nguyên và môi trường	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
83		H-8	M2923002	Ngô Mỹ Linh	X	08/10/2000	Quản lý tài nguyên và môi trường	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
84		H-6	M2923003	Giáp Minh Nhật		11/07/2000	Quản lý tài nguyên và môi trường	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
85		H-4	M2923004	Chê Thị Bích Trâm	X	23/02/1988	Quản lý tài nguyên và môi trường	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
86		H-2	M2923005	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	X	13/12/1987	Quản lý tài nguyên và môi trường	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
87		I-42	M2923007	Phan Thị Kim Tuyến	X	13/06/1992	Quản lý tài nguyên và môi trường	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên

TT	Số hiệu VB	Số ghế ngồi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
88		I-40	M2923008	Trần Thị Ngọc Yến	X	20/06/1991	Quản lý tài nguyên và môi trường	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
89	8938	I-38	M3322001	Trần Trung Hiếu		25/04/1994	Quản lý đất đai	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
90		I-36	M3322004	Võ Thụy Yến Ngân	X	21/08/1999	Quản lý đất đai	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
91		I-34	M3322017	Nguyễn Huỳnh Trung Hậu		19/02/2000	Quản lý đất đai	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
92		I-32	M3322019	Nguyễn Thủy Ái	X	15/05/2000	Quản lý đất đai	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
93		I-30	M3323003	Phạm Thị Thanh Hương	X	14/08/1991	Quản lý đất đai	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
94	9045	I-28	M3323004	Phạm Thị Vân Kiều	X	14/12/1993	Quản lý đất đai	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
95		I-26	M3323007	Nguyễn Thị Anh Đào	X	02/07/1990	Quản lý đất đai	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
96	9046	I-24	M3323008	Võ Thùy Diễm	X	22/07/1993	Quản lý đất đai	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
97		I-22	M3323010	Trần Gia Hồng	X	01/06/2001	Quản lý đất đai	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
98		I-20	M3323013	Thạch Mươi		25/04/1991	Quản lý đất đai	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
99		I-18	M3323014	Phạm Nhật Thắng		20/04/2001	Quản lý đất đai	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
100	8937	I-16	M1822008	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	X	16/03/2000	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	2022	Trường Khoa học Tự nhiên
101		I-14	M1823002	Trần Nam Hưng		03/04/2001	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
102	8962	I-12	M0722002	Đặng Thị Phương Ngân	X	09/01/1989	Toán giải tích	2022	Trường Khoa học Tự nhiên
103	9078	I-10	M0722005	Nguyễn Tiến Doanh		14/07/1987	Toán giải tích	2022	Trường Khoa học Tự nhiên
104		I-8	M0723002	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	X	14/03/2001	Toán giải tích	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
105	9084	I-6	M0922004	Từ Quốc Thắng		10/08/1998	Hóa hữu cơ	2022	Trường Khoa học Tự nhiên
106	8993	I-4	M0923001	Nguyễn Hưng An		27/08/2001	Hóa hữu cơ	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
107	8994	I-2	M0923005	Bùi Minh Phúc		15/01/2000	Hóa hữu cơ	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
108		K-40	M0923006	Trần Phạm Hoàng Thiện		31/10/1999	Hóa hữu cơ	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
109	8949	K-38	M0422001	Nguyễn Thị Minh Anh	X	01/01/1998	Sinh thái học	2022	Trường Khoa học Tự nhiên
110	8950	K-36	M0422003	Lý Thị Thu Dung	X	20/06/1987	Sinh thái học	2022	Trường Khoa học Tự nhiên
111	8951	K-34	M0422004	Trần Nguyễn Thùy Dung	X	16/06/1995	Sinh thái học	2022	Trường Khoa học Tự nhiên
112	8952	K-32	M0422013	Nguyễn Cao Thơ		23/07/1989	Sinh thái học	2022	Trường Khoa học Tự nhiên
113		K-30	M0423001	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	X	12/06/1990	Sinh thái học	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
114		K-28	M0423008	Chao Phép		10/03/1989	Sinh thái học	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
115		K-26	M0821008	Nguyễn Nhựt Quang		17/02/1998	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2021	Trường Khoa học Tự nhiên
116		K-24	M0822029	Nguyễn Mạnh Tiến		04/01/1999	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2022	Trường Khoa học Tự nhiên
117		K-22	M0823002	Thái Ngọc Mỹ Kim	X	06/06/1996	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
118		K-20	M0823003	Trần Đoàn Linh		01/01/1988	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
119		K-18	M0823006	Phan Thị Bích Phượng	X	03/01/1995	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
120	9082	K-16	M0823008	Nguyễn Thị Thanh Tâm	X	19/12/1994	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
121		K-14	M0823009	Nguyễn Thị Kim Tho	X	09/11/1990	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
122		K-12	M0823012	Phan Thanh Trúc	X	02/04/1995	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
123	8995	K-10	M2021014	Nguyễn Thanh Hoài Nhân		21/03/1992	Hóa lý thuyết và hóa lý	2021	Trường Khoa học Tự nhiên
124	8996	K-8	M2022005	Dương Thị Kiều Hương	X	31/12/1995	Hóa lý thuyết và hóa lý	2022	Trường Khoa học Tự nhiên
125		K-6	M2023004	Bùi Thị Kim Hoàng	X	09/02/1991	Hóa lý thuyết và hóa lý	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
126	8997	K-4	M2023005	Nguyễn Đức Huy		09/11/1995	Hóa lý thuyết và hóa lý	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
127	8998	K-2	M2023006	Nguyễn Thị Diễm Kiều	X	12/02/1986	Hóa lý thuyết và hóa lý	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
128		L-42	M2023011	Dương Hiền Minh		22/03/2000	Hóa lý thuyết và hóa lý	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
129	8999	L-40	M2023012	Trần Thành Hiếu		20/09/1990	Hóa lý thuyết và hóa lý	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
130		L-38	M2023013	Trần Thanh Huy		07/05/2001	Hóa lý thuyết và hóa lý	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
131		L-36	M2023016	Nguyễn Thị Kim Tho	X	22/05/2001	Hóa lý thuyết và hóa lý	2023	Trường Khoa học Tự nhiên
132	8987	L-34	M5122006	Trần Thị Huỳnh Hoa	X	01/02/1998	Công nghệ thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông

TT	Số hiệu VB	Số ghế ngồi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
133	8910	L-32	M5122018	Nguyễn Minh Nguyệt	X	08/10/1999	Công nghệ thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
134	9006	L-30	M3721002	Dương Trung Hiếu		13/12/1989	Khoa học máy tính	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
135	9007	L-28	M3721010	Phạm Công Thiện		16/12/1989	Khoa học máy tính	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
136	9008	L-26	M3721011	Phan Mỹ Trinh	X	04/09/1998	Khoa học máy tính	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
137	9009	L-24	M3721012	Nguyễn Thanh Tùng		06/06/1970	Khoa học máy tính	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
138		L-22	M3721018	Hà Quang Trinh		09/04/1999	Khoa học máy tính	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
139	9010	L-20	M3722010	Nguyễn Đình Quang		18/08/1993	Khoa học máy tính	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
140	9011	L-18	M3722015	Tiêu Ngọc Tươi	X	15/10/2000	Khoa học máy tính	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
141		L-16	M3723001	Đặng Trung Càng		29/10/1993	Khoa học máy tính	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
142	9012	L-14	M3723003	Trần Quốc Khang		21/10/2001	Khoa học máy tính	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
143		L-12	M3723006	Lê Thiện Tâm		09/10/2001	Khoa học máy tính	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
144	9013	L-10	M3723007	Lê Ngọc Thái		04/08/2000	Khoa học máy tính	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
145	8913	L-8	M2521006	Trần Thị Mỹ Huyền	X	04/03/1995	Hệ thống thông tin	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
146		L-6	M2521020	Phạm Lê Tân		22/01/1996	Hệ thống thông tin	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
147		L-4	M2522007	Đỗ Thị Minh Mẫn	X	30/09/1996	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
148	8989	L-2	M2522009	Nguyễn Việt Nga	N	25/10/1984	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
149		M-40	M2522012	Trác Đức Tài		01/01/1983	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
150		M-38	M2522017	Lê Văn Út		01/01/1988	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
151		M-36	M2522019	Nguyễn Tô Hải Đăng		21/07/1999	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
152		M-34	M2522024	Ngô Quang Thái		22/04/1995	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
153	8914	M-32	M2522026	Võ Văn Kiệt		11/08/1996	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
154		M-30	M2523006	Võ Hoàng Minh		04/08/1998	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
155	8915	M-28	M2523007	Phạm Huỳnh Ngọc	X	11/09/1992	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
156	8990	M-26	M2523009	Nguyễn Thanh Thiện		18/05/1985	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
157		M-24	M2523011	Phương Thành Trí		30/08/1977	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
158		M-22	M2523013	Lê Hoàng Vũ		01/09/1988	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
159		M-20	M2523020	Võ Văn Hiệp		30/04/1993	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
160		M-18	M2523023	Nguyễn Lê Hoàng Huy		06/06/2001	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
161	8991	M-16	M2523025	Lê Thị Hải Oanh	X	23/04/1999	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
162		M-14	M2523029	Lê Trung Bá Tông		25/03/1996	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
163		M-12	M2523030	Mai Quốc Trường		22/06/1992	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
164	8992	M-10	M2523031	Trần Hoàng Yển	X	28/02/1991	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
165		M-8	M1222001	Nguyễn Trung Hiếu		15/05/1987	Khoa học đất	2022	Trường Nông nghiệp
166	9005	M-6	M1223001	Trần Hoài Nhân		09/03/1982	Khoa học đất	2023	Trường Nông nghiệp
167	8912	M-4	M4122006	Nguyễn Lê Đức Huy		18/04/2000	Di truyền và chọn giống cây trồng	2022	Trường Nông nghiệp
168		M-2	M4123001	Lâm Huỳnh Như	X	19/03/1998	Di truyền và chọn giống cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
169		N-40	M4123003	Nguyễn Hoàng Thái		18/04/1997	Di truyền và chọn giống cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
170		N-38	M4123004	Nguyễn Văn Toàn		06/06/2001	Di truyền và chọn giống cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
171	9083	N-36	M1021014	Đinh Hoàng Phúc		02/03/1995	Bảo vệ thực vật	2021	Trường Nông nghiệp
172	8963	N-34	M1022008	Nguyễn Lê Đông Phương	X	21/09/1998	Bảo vệ thực vật	2022	Trường Nông nghiệp
173		N-32	M1022016	Nguyễn Thị Tuyết Mai	X	03/06/2000	Bảo vệ thực vật	2022	Trường Nông nghiệp
174		N-30	M1022018	Huỳnh Văn Sáu		11/04/1957	Bảo vệ thực vật	2022	Trường Nông nghiệp
175	8908	N-28	M1022020	Võ Thị Thanh Lộc	X	18/01/1999	Bảo vệ thực vật	2022	Trường Nông nghiệp
176	8979	N-26	M1023005	Trần Quang Phú		08/12/2001	Bảo vệ thực vật	2023	Trường Nông nghiệp
177		N-24	M1023009	Kiều Công Vĩnh		15/01/1997	Bảo vệ thực vật	2023	Trường Nông nghiệp

TT	Số hiệu VB	Số ghế ngồi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
178	8980	N-22	M1023024	Huỳnh Hữu Trí		10/03/2001	Bảo vệ thực vật	2023	Trường Nông nghiệp
179		N-20	M0122005	Châu Ngọc Gọn	X	07/10/1989	Khoa học cây trồng	2022	Trường Nông nghiệp
180		N-18	M0122014	Nguyễn Thị Diễm Trinh	X	28/09/1999	Khoa học cây trồng	2022	Trường Nông nghiệp
181	9000	N-16	M0122020	Đặng Phương Trâm	X	23/01/1999	Khoa học cây trồng	2022	Trường Nông nghiệp
182	9001	N-14	M0123002	Hồ Mỹ Hiền	X	19/08/1982	Khoa học cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
183	9002	N-12	M0123003	Lê Nguyễn Quốc Hưng		17/06/1988	Khoa học cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
184	9003	N-10	M0123007	Lý Hồng Sơn		26/06/1999	Khoa học cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
185	9004	N-8	M0123009	Đinh Quang Tuấn		15/11/1992	Khoa học cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
186		N-6	M0123013	Huỳnh Thị Ngọc Hương	X	05/10/2001	Khoa học cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
187		N-4	M0123018	Nguyễn Tấn Thành		24/07/2001	Khoa học cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
188	8956	N-2	M0322002	Lê Quốc Huy		01/09/1992	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
189	8978	O-40	M0322003	Võ Gia Khánh		18/05/1999	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
190		O-38	M0322005	Lê Thị Trúc Ly	X	10/06/2000	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
191	8957	O-36	M0322007	Cao Thị Ngọc Ngân	X	01/02/2000	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
192	8958	O-34	M0322010	Nguyễn Phước Toàn		29/09/1995	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
193	8959	O-32	M0322016	Trương Quốc Thái		02/09/2000	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
194	8960	O-30	M0322021	Nguyễn Thị Nam Phương	X	01/01/1991	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
195	8961	O-28	M0322022	Ôn Ngọc Thanh Tâm	X	10/03/1998	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
196		O-26	M0323002	Đặng Quốc Cường		17/09/2000	Thú y	2023	Trường Nông nghiệp
197		O-24	M0323009	Trần Thị Thúy Quyên	X	21/03/1994	Thú y	2023	Trường Nông nghiệp
198		O-22	M0323017	Nguyễn Cao Thùy Duyên	X	20/01/2000	Thú y	2023	Trường Nông nghiệp
199		O-20	M0323027	Nguyễn Hoàng Phúc		16/09/1999	Thú y	2023	Trường Nông nghiệp
200		O-18	M0323030	Phạm Quỳnh Yến Thanh	X	22/05/1997	Thú y	2023	Trường Nông nghiệp
201		O-16	M0323031	Nguyễn Phương Thanh	X	11/09/2000	Thú y	2023	Trường Nông nghiệp
202		E-1	M5323001	Đinh Đào Khánh Danh		25/12/1984	Kỹ thuật cơ khí	2023	Trường Bách khoa
203		E-3	M5323003	Nguyễn Thị Kim Khánh	X	30/04/2001	Kỹ thuật cơ khí	2023	Trường Bách khoa
204		E-5	M5323004	Mạch Thái Lộc		16/09/1996	Kỹ thuật cơ khí	2023	Trường Bách khoa
205		E-7	M5323005	Lâm Hữu Phúc		25/02/1996	Kỹ thuật cơ khí	2023	Trường Bách khoa
206	8965	E-9	M4421002	Phạm Đức Huy		29/01/1996	Kỹ thuật điện	2021	Trường Bách khoa
207	9019	E-11	M4421003	Võ Quốc Khánh		24/09/1995	Kỹ thuật điện	2021	Trường Bách khoa
208	9086	E-13	M4422013	Nguyễn Đức Thủy		25/04/1984	Kỹ thuật điện	2022	Trường Bách khoa
209	9020	E-15	M4422014	Trương Thiên Tường		29/10/1995	Kỹ thuật điện	2022	Trường Bách khoa
210	9021	E-17	M4422016	Nguyễn Duy Khánh		25/12/1997	Kỹ thuật điện	2022	Trường Bách khoa
211	9022	E-19	M4422024	Nguyễn Trần Quang Tuấn		02/09/1997	Kỹ thuật điện	2022	Trường Bách khoa
212		E-21	M3822005	Trần Bá Huy		07/06/1999	Kỹ thuật hóa học	2022	Trường Bách khoa
213	8918	E-23	M3823002	Trần Minh Khang		10/10/2000	Kỹ thuật hóa học	2023	Trường Bách khoa
214		E-25	M3823004	Ngô Khánh Nguyên		09/08/1999	Kỹ thuật hóa học	2023	Trường Bách khoa
215		E-27	M3823005	Lý Kim Phụng	X	20/10/1999	Kỹ thuật hóa học	2023	Trường Bách khoa
216	9028	E-29	M3823007	Nguyễn Thái Mỹ Tiên	X	15/02/1989	Kỹ thuật hóa học	2023	Trường Bách khoa
217		E-31	M3823008	Châu Thị Bảo Trân	X	24/08/2000	Kỹ thuật hóa học	2023	Trường Bách khoa
218		E-33	M3823010	Lê Thị Trúc Đào	X	12/12/2001	Kỹ thuật hóa học	2023	Trường Bách khoa
219		E-35	M3521013	Lâm Hùng Minh		01/06/1989	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2021	Trường Bách khoa
220	9023	E-37	M3522002	Phạm Nguyễn Anh Duy		18/01/1995	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2022	Trường Bách khoa
221	9024	E-39	M3522003	Lê Đoàn Kết		14/05/1991	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2022	Trường Bách khoa
222	9025	E-41	M3522005	Trương Nhựt Quang		02/02/1998	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2022	Trường Bách khoa

TT	Số hiệu VB	Số ghế ngồi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
223		E-43	M3523001	Trần Võ Khang		19/06/2000	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2023	Trường Bách khoa
224		F-1	M3523002	Lê Phú Công Luận		28/05/1999	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2023	Trường Bách khoa
225	9026	F-3	M3523016	Đoàn Trọng Nhân		17/10/1977	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2023	Trường Bách khoa
226	9027	F-5	M3523019	Lê Vĩnh Triều		28/02/1981	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2023	Trường Bách khoa
227	9124	F-7	M4222004	Trần Huy Danl		09/04/1998	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2022	Trường Bách khoa
228		F-9	M4222010	Nguyễn Trọng Nhân		02/09/1999	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2022	Trường Bách khoa
229		F-11	M4222020	Trần Hiền Lượng		02/09/1992	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2022	Trường Bách khoa
230		F-13	M4223001	Nguyễn Quốc Bằng		17/10/1999	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
231		F-15	M4223003	Trần Tuấn Khoa		24/02/2000	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
232		F-17	M4223004	Phạm Tấn Lợi		30/08/1996	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
233		F-19	M4223006	Phạm Văn Tí		25/09/1984	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
234	9125	F-21	M4223007	Huỳnh Thanh Toàn		15/06/1988	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
235		F-23	M4223008	Huỳnh Minh Tuấn		16/11/1991	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
236		F-25	M4223009	Nguyễn Phú Vinh		27/11/1989	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
237		F-27	M4223010	Phạm Đại Bằng		26/05/1990	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
238	9126	F-29	M4223011	Trần Thanh Duy		26/02/1996	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
239		F-31	M4223012	Nguyễn Nhất Duy		17/12/2000	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
240	9127	F-33	M4223016	Lê Thanh Ký		02/02/1988	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
241	9030	F-35	M4223019	Nguyễn Tuấn Thông		08/08/1986	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
242	8930	F-37	M1522002	Phạm Kiều Giao	X	06/04/1994	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
243	9040	F-39	M1522004	Võ Thị Hồng Khanh	X	01/01/1985	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
244	8931	F-41	M1522006	Bùi Thị Yến Ngân	X	20/07/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
245	9041	G-1	M1522007	Bùi Yến Nhi	X	03/01/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
246	8932	G-3	M1522010	Nguyễn Thanh Thảo	X	08/01/1985	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
247	9042	G-5	M1522012	Võ Văn Thương		22/10/1987	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
248	8933	G-7	M1522013	Nguyễn Thị Mai Trâm	X	13/10/1985	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
249	9043	G-9	M1522014	Nguyễn Thị Trinh	X	26/12/1993	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
250	8934	G-11	M1522015	Phạm Trần Hồng Vân	X	10/06/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
251	9044	G-13	M1522017	Vân Thị Hồng Hoa	X	12/07/1984	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
252	8935	G-15	M1522018	Nguyễn Ngọc Cát Tường	X	26/09/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
253	8936	G-17	M1522019	Mai Thị Thanh Bình	X	19/05/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
254		G-19	M1522020	Phạm Hồng Mơ	X	19/12/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Và	2022	Trường Sư phạm
255	9035	G-21	M3221025	Trần Thị Hải Yến	X	10/10/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2021	Trường Sư phạm
256	9036	G-23	M3222001	Trần Tú Cẩm	X	12/06/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2022	Trường Sư phạm
257	8928	G-25	M3222003	Lưu Xuân Hiền		14/02/1980	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2022	Trường Sư phạm
258	9037	G-27	M3222012	Danh Anh Võ		24/07/1991	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2022	Trường Sư phạm
259		G-29	M3222013	Phan Hà Thảo Vy	X	02/01/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2022	Trường Sư phạm
260		G-31	M3222015	Nguyễn Văn Dầu		28/06/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2022	Trường Sư phạm
261	8929	G-33	M3222023	Nguyễn Thị Mơ	X	27/12/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2022	Trường Sư phạm
262		G-35	M3223001	Trương Thái Bảo		01/03/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
263		G-37	M3223002	Huỳnh Khánh Duy		30/06/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
264	9038	G-39	M3223003	Mai Ngọc Lan Lil	X	14/11/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
265		G-41	M3223004	Lê Chí Phú		20/10/1998	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
266		G-43	M3223005	Võ Ngọc Tấn		20/11/1988	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
267	9039	H-1	M3223006	Lâm Mai Thi	X	07/03/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm

TT	Số hiệu VB	Số ghế ngồi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
268		H-3	M3223008	Quách Bảo Duy		17/10/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
269		H-5	M3223011	Đặng Thị Hậu	X	29/09/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
270		H-7	M3223012	Lê Hoàng Huân		28/09/1998	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
271		H-9	M3223015	Đào Thái Nguyên		20/02/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
272		H-11	M3223016	Nguyễn Hiền Niệm		01/01/1988	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
273		H-13	M3223017	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	X	30/08/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
274		H-15	M3223018	Hồ Thị Bé Thảo	X	10/05/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
275		H-17	M3223019	Lê Văn Tùng		01/07/1985	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tc	2023	Trường Sư phạm
276	9128	H-19	M4822013	Trần Thị Mỹ Lê	N	07/04/1997	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
277	8939	H-21	M4822017	Lê Thị Yến Ngọc	X	01/01/1986	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
278		H-23	M4822020	Trần Thị Mỹ Nhân	X	01/01/1998	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
279	8940	H-25	M4822022	Dương Cẩm Nhung	X	05/09/1989	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
280	x	H-27	M4822033	Đinh Thị Diễm Trinh	X	10/11/1989	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
281		H-29	M4823001	Nguyễn Thị Quế Anh	X	12/03/1998	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
282		H-31	M4823002	Quách An Bình	X	01/03/1985	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
283		H-33	M4823004	Bùi Thị Chuyển	X	25/09/1989	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
284		H-35	M4823006	Sây Ha	X	18/06/1990	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
285	9047	H-37	M4823008	Nguyễn Tấn Hiệp		20/03/1996	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
286		H-39	M4823011	Phan Thị Xuân Hương	X	20/08/1982	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
287	9048	H-41	M4823012	Trần Thị Lâm	X	17/09/1987	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
288		I-1	M4823014	Tăng Khánh Linh	X	02/07/2000	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
289		I-3	M4823020	Nguyễn Thanh Sơn		29/09/1997	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
290	9049	I-5	M4823021	Trần Thị Minh Thảo	X	18/06/1989	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
291		I-7	M4823022	Trần Thị Anh Thư	X	30/08/1998	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
292		I-9	M4823023	Nguyễn Thị Minh Thư	X	15/09/1999	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
293	9050	I-11	M4823028	Hứa Văn Ủ		19/02/1983	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
294		I-13	M4823029	Lê Triệu Vỹ		27/02/2000	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
295	9051	I-15	M4823032	Bùi Nguyễn Lan Anh	X	24/11/1986	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
296	9052	I-17	M4823033	Đặng Phúc Nguyên Cường		09/08/1996	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
297	9053	I-19	M4823035	Lê Thị Cẩm Duyên	X	12/01/1993	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
298		I-21	M4823036	Lê Trần Gia Hân	X	02/11/2001	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
299		I-23	M4823037	Nguyễn Thị Hoa	X	12/08/1989	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
300	9121	I-25	M4823038	Trần Minh Kha		19/06/1997	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
301	9054	I-27	M4823039	Võ Ngọc Khen	X	01/01/1996	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
302		I-29	M4823041	Phan Nguyễn Thu Minh	X	30/07/1978	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
303		I-31	M4823042	Trương Văn Nền		09/11/1981	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
304	9055	I-33	M4823043	Nguyễn Kim Ngân	X	10/10/1983	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
305		I-35	M4823044	Trương Khánh Nguyên	X	27/04/2000	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
306	9056	I-37	M4823045	Huỳnh Thị Kiều Oanh	X	15/07/1988	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
307	9057	I-39	M4823046	Nguyễn Phượng Oanh	X	15/10/2001	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
308		I-41	M4823047	Nguyễn Ngọc Kim Phúc	X	19/09/1973	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
309		K-1	M4823054	Đỗ Tạ Mạnh Tiền		18/06/1999	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
310	9087	K-3	M1621016	Nguyễn Thị Hoàng Kim	X	15/05/1983	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2021	Khoa Ngoại ngữ
311	9088	K-5	M1621061	Phan Thùy Trang	X	30/09/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2021	Khoa Ngoại ngữ
312	9089	K-7	M1622065	Lê Thị Thùy Trang	X	03/10/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2022	Khoa Ngoại ngữ

TT	Số hiệu VB	Số ghế ngồi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
313	9090	K-9	M1622073	Võ Thị Thúy An	X	06/11/1987	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2022	Khoa Ngoại ngữ
314	9091	K-11	M1623001	Nguyễn Ngọc Anh	X	24/12/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
315	9092	K-13	M1623002	Phan Thị Quý Anh	X	15/08/1993	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
316	9093	K-15	M1623003	Đặng Gia Bảo		24/08/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
317		K-17	M1623004	Hà Bảo Chân	X	10/02/1988	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
318	9094	K-19	M1623005	Lê Thị Minh Châu	X	11/10/1988	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
319		K-21	M1623007	Lê Huỳnh Chương		09/11/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
320	9095	K-23	M1623008	Phan Tuyết Cương	X	22/12/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
321	9096	K-25	M1623009	Tổng Tấn Đạt		15/04/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
322	9097	K-27	M1623011	Nguyễn Anh Dũng		25/03/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
323		K-29	M1623012	Trần Thế Duy		24/06/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
324		K-31	M1623013	Trần Khắc Duy		26/05/1994	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
325		K-33	M1623014	Lâm Tường Duy		12/05/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
326		K-35	M1623015	La Thị Quỳnh Giao	X	15/01/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
327		K-37	M1623016	Phạm Trần Khả Hân	X	20/07/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
328	9098	K-39	M1623017	Phan Nhật Hào		08/05/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
329	9099	L-1	M1623018	Nguyễn Thị Diễm Hồng	X	21/01/1994	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
330		L-3	M1623019	Nguyễn Thị Mỹ Huê	X	02/10/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
331	9100	L-5	M1623020	Phạm Tất Huy		14/08/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
332	9101	L-7	M1623021	Đỗ Nguyễn Mai Huỳnh		15/04/1969	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
333	9102	L-9	M1623023	Phạm Lê	X	06/10/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
334	9103	L-11	M1623024	Nguyễn Thị Thanh Long	X	14/03/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
335	9104	L-13	M1623025	Trần Thanh Trúc Ly	X	12/01/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
336		L-15	M1623027	Nguyễn Thị Trà My	X	09/05/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
337	9105	L-17	M1623028	Bùi Văn Nam		24/02/1994	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
338	9106	L-19	M1623029	Phạm Thị Kim Ngân	X	28/04/1991	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
339		L-21	M1623030	Huỳnh Bảo Nghi	X	29/03/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
340		L-23	M1623031	Dương Thị Dung Nghi	X	09/07/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
341		L-25	M1623032	Trần Thị Thanh Ngọc	X	26/04/1988	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
342	9107	L-27	M1623033	Nguyễn Trương Hồng Ngọc	X	01/12/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
343		L-29	M1623034	Đào Thị Huỳnh Như	X	22/10/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
344	9108	L-31	M1623036	Nguyễn Thanh Phong		06/08/1992	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
345	9109	L-33	M1623037	Nguyễn Thị Ngọc Phước	X	24/10/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
346		L-35	M1623038	Dương Hồng Đông Phương	X	11/05/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
347	9110	L-37	M1623040	Kiểm Mỹ Quỳnh	X	30/12/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
348	9111	L-39	M1623041	Thạch Minh Tâm		10/07/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
349	9112	L-41	M1623042	Dương Thanh Tâm	X	27/04/1991	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
350	9113	M-1	M1623043	Tiết Nhật Tân		26/02/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
351	9114	M-3	M1623044	Huỳnh Duy Tân		07/09/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
352	9115	M-5	M1623046	Phan Ngọc Thảo	X	17/09/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
353	9116	M-7	M1623047	Trần Thị Thanh Thảo	X	05/08/1985	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
354		M-9	M1623049	Cao Kiều Diễm Thúy	X	05/01/1987	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
355		M-11	M1623050	Võ Trần Việt Thủy	X	04/07/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
356	9117	M-13	M1623052	Trần Song Toàn		26/10/1978	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
357	9118	M-15	M1623053	Trần Thị Thảo Trinh	X	30/12/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ

TT	Số hiệu VB	Số ghế ngồi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
358		M-17	M1623054	Trần Thị Thủy Trinh	X	02/02/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
359	9119	M-19	M1623059	Nguyễn Văn Uyên	X	22/11/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
360		M-21	M1623060	Hồng Thị Khánh Vân	X	18/07/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
361	8927	M-23	M1623063	Phan Ngọc Tường Vy	X	21/08/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
362		M-25	M1623065	Văng Thị Kim Anh	X	05/05/1992	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
363		M-27	M1623066	Võ Ngọc Đình	X	04/11/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
364		M-29	M1623067	Hoàng Tiến Dũng		07/07/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
365		M-31	M1623068	Hà Thảo Hân	X	29/11/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
366		M-33	M1623070	Phan Như Hào	X	09/11/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
367		M-35	M1623071	Nhâm Nhất Hậu		11/10/1998	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
368		M-37	M1623072	Trần Thị Tuyết Hương	X	12/06/1998	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
369		M-39	M1623074	Trần Ngọc Hường	X	05/10/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
370		N-1	M1623075	Lâm Ngọc Lan	X	08/02/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
371		N-3	M1623078	Trần Bảo Ngân	X	01/10/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
372		N-5	M1623079	Trương Thủy Ngân	X	01/01/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
373		N-7	M1623080	Trần Ngọc Ngân	X	08/08/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
374		N-9	M1623081	Trần Hữu Nghị		04/11/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
375		N-11	M1623082	Nguyễn Lê Như Ngọc	X	09/07/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
376		N-13	M1623083	Huỳnh Như Ngọc	X	09/05/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
377		N-15	M1623084	Vương Chấn Nguyên		01/11/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
378	9120	N-17	M1623085	Nguyễn Thị Huỳnh Như	X	16/01/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
379		N-19	M1623087	Trương Thị Minh Thư	X	11/05/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
380		N-21	M1623088	Dương Quốc Tổng		11/11/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
381		N-23	M1623090	Hà Bảo Trân	X	15/09/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
382		N-25	M1623091	Lê Châu Ngọc Trinh	X	27/09/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
383		N-27	M1623092	Lê Thị Ngọc Tươi	X	25/10/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
384		N-29	M1623094	Lê Vũ Thúy Vi	X	24/10/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
385		N-31	M1623095	Quách Hón Vinh		07/09/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Ti	2023	Khoa Ngoại ngữ
386	8964	N-33	M4021002	Nguyễn Anh Khoa		01/01/1990	Kinh tế học	2021	Trường Kinh tế
387		N-35	M4022013	Nguyễn Thanh Thùy	X	19/06/1991	Kinh tế học	2022	Trường Kinh tế
388	9085	N-37	M1321005	Trần Thiện Nhân		13/12/1998	Kinh tế nông nghiệp	2021	Trường Kinh tế
389	9123	N-39	M1321006	Trần Hồng Nhẫn	X	14/09/1996	Kinh tế nông nghiệp	2021	Trường Kinh tế
390	9015	O-1	M1321008	Thái Ngọc Thịnh		24/07/1999	Kinh tế nông nghiệp	2021	Trường Kinh tế
391	9016	O-3	M1322001	Võ Thị Hồng Hạnh	X	10/05/2000	Kinh tế nông nghiệp	2022	Trường Kinh tế
392	9017	O-5	M1322003	Lê Thị Tuyết Nhung	X	08/08/2000	Kinh tế nông nghiệp	2022	Trường Kinh tế
393	9018	O-7	M1323004	Nguyễn Đình Lãng		15/04/1989	Kinh tế nông nghiệp	2023	Trường Kinh tế
394	9074	O-9	M2721003	Nguyễn Khoa Đăng		01/01/1991	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
395	8974	O-11	M2721005	Phan Trần Lê Huy		17/05/1989	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
396	8975	O-13	M2721010	Phan Dương Linh		19/09/1996	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
397	9075	O-15	M2721015	Nguyễn Cao Sơn		08/10/1998	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
398	9129	O-17	M2721019	Lê Huỳnh Công Thoại		13/05/1997	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
399	9122	O-19	M2721022	Võ Ánh Trân	X	25/11/1991	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
400	8976	O-21	M2721026	Trần Bảo Uyên	X	14/07/1996	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
401		O-23	M2721030	Phạm Thị Thúy Hằng	X	29/08/1984	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
402		O-25	M2721033	Lê Thị Thùy Linh	X	10/05/1983	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế

TT	Số hiệu VB	Số ghế ngồi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
403		O-27	M2721036	Phan Phương Quỳnh	X	18/01/1993	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
404		O-29	M2721037	Võ Bảo Siêu Việt		15/10/1989	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
405		O-31	M2722006	Lê Thị Hồng Hạnh	X	24/10/1992	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
406	8953	O-33	M2722007	Lê Thị Diễm Hương	X	15/06/1995	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
407		O-35	M2722011	Lâm Bảo Ngọc	X	20/03/2000	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
408		O-37	M2722013	Đặng Khôi Nguyên		14/12/1999	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
409	9076	O-39	M2722018	Phan Đức Thắng		23/05/1993	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
410		P-1	M2722033	Nguyễn Thương Hoàng Yến	X	30/11/2000	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
411	9077	P-3	M2722037	Huỳnh Khả Chánh		28/08/1980	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
412	8954	P-5	M2722039	Lê Thị Mỹ Duyên	X	26/05/2000	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
413	8977	P-7	M2722053	Phan Cảnh Trương Đăng		03/03/1999	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
414	8955	P-9	M2722055	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	X	05/08/1998	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
415	9067	P-11	M1421011	Tạ Quang Lộc		23/07/1991	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
416	8970	P-13	M1421016	Kim Thạch Bích Nga	X	01/03/1992	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
417	9068	P-15	M1421019	Ngô Trần Nghiệp		22/09/1998	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
418	8971	P-17	M1421031	Trần Thị Cẩm Tiên	X	17/07/1995	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
419	8972	P-19	M1421032	Võ Thành Tới		24/10/1991	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
420	8973	P-21	M1421034	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	X	14/07/1992	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
421	9069	P-23	M1422006	Trần Thị Thu Đào	X	20/01/1997	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
422	9070	P-25	M1422018	Huỳnh Bá Lượng		25/08/1990	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
423		P-27	M1422030	Võ Quốc Toàn		01/08/1994	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
424	x	P-29	M1422032	Âu Dương Thiên Trang	X	03/10/1992	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
425	x	P-31	M1422049	Nguyễn Thị Yến Khoa	X	15/01/2000	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
426	9071	P-33	M1422059	Huỳnh Anh Thơ	X	16/09/1992	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
427	9072	P-35	M1422062	Nguyễn Thảo Uyên	X	20/09/1998	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
428		P-37	M1423002	Nguyễn Thị Hồng Cúc	X	07/01/1983	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
429		P-39	M1423009	Nguyễn Thúy Hằng	X	08/08/1993	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
430		Q-1	M1423016	Nguyễn Ngọc Nhật Linh	X	29/10/1995	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
431		Q-3	M1423019	Bùi Thị Tuyết Nga	X	02/10/2000	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
432	8947	Q-5	M1423021	Nguyễn Đặng Văn Ngọc	X	21/11/2000	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
433		Q-7	M1423022	Nguyễn Quang Nhật		01/05/1999	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
434	9073	Q-9	M1423023	Trần Phạm Thiên Nhi	X	21/01/1997	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
435	8948	Q-11	M1423029	Trần Huỳnh Phương Thy	X	03/05/2000	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
436		Q-13	M1423030	Nguyễn Thị Kiều Tiên	X	08/04/1998	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
437		Q-15	M1423033	Lê Diệp Thùy Trang	X	21/08/1995	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
438		Q-17	M1423036	Lê Quốc Tỷ		16/02/2001	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
439		Q-19	M1423037	Nguyễn Thị Phương Uyên	X	14/04/1995	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
440		Q-21	M1423038	Nguyễn Việt Thu Uyên	X	29/07/1999	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
441		Q-23	M1423041	Huỳnh Thị Như Ý	X	29/03/2001	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
442		Q-25	M1423042	Lâm Hải Yến	X	09/03/1997	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
443		Q-27	M1423066	Nguyễn Trường Anh Thi	X	24/12/1994	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
444	8967	Q-29	M4521006	Trần Trang Diệu Hiền	X	31/12/1989	Quản lý kinh tế	2021	Trường Kinh tế
445	8941	Q-31	M4521011	Nguyễn Ngọc Anh Kiệt		28/03/1998	Quản lý kinh tế	2021	Trường Kinh tế
446	8942	Q-33	M4522003	Trần Thị Ngọc Ánh	X	04/02/1992	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
447	8943	Q-35	M4522006	Dương Hồng Hạnh	X	20/10/1993	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế

TT	Số hiệu VB	Số ghế ngồi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
448	8944	Q-37	M4522008	Nguyễn Thị Phương Lan	X	13/03/1987	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
449	9058	R-1	M4522015	Nguyễn Thị Thanh Ngoan	X	22/06/1983	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
450	9059	R-3	M4522021	Dương Thị Trúc Phương	X	25/08/1989	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
451		R-5	M4522028	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	X	18/10/1995	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
452		R-7	M4522032	Trần Thị Mỹ Trinh	X	20/03/1989	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
453		R-9	M4522034	Dương Bích Tuyền	X	13/07/1982	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
454		R-11	M4522036	Huỳnh Phương Uyên	X	13/04/1997	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
455	8969	R-13	M4522049	Huỳnh Thị Thanh Thảo	X	01/10/1994	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
456		R-15	M4522051	Nguyễn Nhật Trường		03/11/1998	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
457	8945	R-17	M4522059	Mai Thành Tài		03/07/2000	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
458	9060	R-19	M4522060	Võ Phạm Trinh Thư	X	30/05/1975	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
459		R-21	M4523003	Nguyễn Kim Đuốc	X	20/11/1991	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
460	9061	R-23	M4523006	Nguyễn Minh Hiếu	X	28/11/1998	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
461	9062	R-25	M4523017	Nguyễn Trọng Nguyễn		12/12/1998	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
462		R-27	M4523022	Nguyễn Mạnh Phi		16/10/2001	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
463		R-29	M4523023	Trương Quang Phở		28/06/1975	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
464		R-31	M4523025	Ngô Trần Phú		12/10/1996	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
465	9063	R-33	M4523030	Lâm Nhật Tân		24/11/2000	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
466	x	R-35	M4523031	Phan Đặng Anh Thư	X	22/03/2000	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
467	9064	R-37	M4523033	Trương Ngọc Trân	X	10/08/2000	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
468		S-1	M4523034	Nguyễn Minh Trí		15/06/2000	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
469		S-3	M4523037	Diệp Thị Diễm Trúc	X	28/09/1994	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
470	9065	S-5	M4523040	Lê Quang Vĩnh		26/12/1989	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
471		S-7	M4523045	Nguyễn Thị Hồng Ánh	X	02/07/2000	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
472		S-9	M4523051	Hồ Trương Trúc Linh	X	02/11/1999	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
473		S-11	M4523057	Lê Trung Nguyễn		27/07/2000	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế